TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/HS-ST
Ngày 25-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Hạ

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Đậm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn T,** sinh ngày 06/8/1996 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn B và bà Phạm Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/11/2023; có mặt;

2. **Phạm Văn T1,** sinh ngày 13/3/1995 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn N (đã chết) và bà Hoàng Thị T2; có vợ Phạm Thị Thu T3 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/11/2023; có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Ngô Xuân L, sinh năm 1969, địa chỉ: T, T, K, Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Công T4, sinh năm 1984, địa chỉ: X, N, K, Hải Phòng; vắng

mặt;

+ Anh Ngô Xuân D, sinh năm 1989, địa chỉ: T, T, K, Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Vũ Hoài L1, sinh năm 1986, địa chỉ: C, TT N, K, Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Bùi Duy C, sinh năm 1991, địa chỉ: P, Đ, D, Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1996, địa chỉ: Đ, Đ, K, Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Vũ Văn M, sinh năm 1994, địa chỉ: Lạng C, Đ, K, Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Đỗ Văn L2, sinh năm 1991, địa chỉ: Lạng C, Đ, K, Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Phạm Quang B1, sinh năm 1982, địa chỉ: Lạng C, Đ, K, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, Phạm Văn T rủ Phạm Văn T1 mở cửa hàng để cho vay tiền với mức lãi suất cao. Để quản lý khách hàng và tính toán tiền gốc, tiền lãi, T lên mạng xã hội mua phần mềm 2cash.info rồi tạo thành 02 tài khoản, T, T1 mỗi người sử dụng một tài khoản. Cả hai thống nhất tiền thuê cửa hàng và tiền mua phần mềm quản lý sẽ chia đôi, còn việc cho vay tiền, lãi suất như thế nào thì khách của ai người đó làm không liên quan đến nhau. Việc Phạm Văn T, Phạm Văn T1 cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự được thực hiện như sau:

Trong thời gian từ ngày 15/02/2022 đến ngày 26/9/2022 Phạm Văn T đã cho 05 người vay với tổng số tiền là 77.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 72.309.542 đồng. Cụ thể:

1. Ngày 15/02/2022, T cho Ngô Xuân L, sinh năm 1969, nơi cư trú: T, T, K, Hải Phòng vay số tiền 5.000.000 đồng lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng 109,5%/năm. Đến nay, ông L đã trả cho T 12.410.000 đồng bao gồm 7.410.000 đồng tiền lãi (tương ứng 494 ngày) và 5.000.000 đồng tiền gốc, thu lợi bất chính số tiền 6.056.575 đồng.

2. Ngày 18/2/2022, T cho anh Nguyễn Công T4, sinh năm 1984, nơi cư trú: X, Ngũ Phúc, K, Hải Phòng vay số tiền 13.000.000 đồng lãi là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng 109,5%/năm. Đến nay, T đã thu được của anh T4 tổng số 24.540.000 đồng tiền lãi (tương ứng 629 ngày). Hiện anh T4 vẫn còn đang nợ tiền gốc, T đã thu lợi bất chính được số tiền 20.059.452 đồng.

3. Ngày 18/7/2022, T cho anh Ngô Xuân D, sinh năm 1989, nơi cư trú: T, T, K, Hải Phòng vay số tiền 22.000.000 đồng lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng 109,5%/năm. Đến nay, T đã thu được của anh D tổng số tiền 45.940.000 đồng bao gồm 23.940.000 đồng tiền lãi (tương ứng 363 ngày) và 22.000.000 đồng tiền gốc,

T thu lợi bất chính được số tiền 19.564.110 đồng. Ngoài ra, ngày 26/9/2023, T tiếp tục cho anh D số tiền 12.000.000 đồng với lãi suất tương tự như trên. T đã thu được của anh D 1.080.000 đồng tiền lãi (tương đương 30 ngày) và thu lợi bất chính số tiền 882.740 đồng.

4. Ngày 19/7/2022, T cho anh Vũ Hoài L1, sinh năm 1986, nơi cư trú: C, Thị Trấn N, K, Hải Phòng vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng 109,5%/năm. T đã thu được của anh L1 số tiền 25.200.000 đồng tiền lãi (tương ứng 420 ngày). Hiện anh L1 còn nợ T 20.000.000 đồng tiền gốc tiền gốc. T đã thu lợi bất chính được số tiền 20.597.260 đồng.

5. Ngày 01/9/2022, T cho anh Bùi Duy C, sinh năm 1991, nơi cư trú: Đa Phúc, Dương K, Hải Phòng vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng 109,5%/năm. T đã thu được của anh C số tiền 11.300.000 đồng bao gồm 6.300.000 đồng tiền lãi (tương ứng 420 ngày) và 5.000.000 đồng tiền gốc. T đã thu lợi bất chính được số tiền 5.149.315 đồng.

Trong thời gian từ ngày 04/3/2022 đến ngày 11/10/2023 Phạm Văn T1 đã cho 04 người vay với tổng số tiền là 73.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 43.798.082 đồng. Cụ thể:

1. Ngày 04/3/2022, T1 cho anh Phạm Văn H1, sinh năm: 1996, nơi cư trú: Đ, Đông P, K, Hải Phòng vay số tiền 28.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng 109,5%/năm. T1 đã thu của anh H1 số tiền 30.000.000 đồng tiền lãi (tương ứng 357 ngày). Hiện anh H1 còn nợ T1 28.000.000 đồng tiền gốc. T1 đã thu lợi bất chính được số tiền 24.522.740 đồng.

2. Ngày 16/01/2023, T1 cho anh Vũ Văn M, sinh năm: 1994, nơi cư trú: L, Đông P, K, Hải Phòng vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng 109,5%/năm. T1 đã thu được của anh M 18.000.000 đồng tiền lãi (tương ứng 300 ngày). Anh M còn nợ T1 20.000.000 đồng tiền gốc, T1 đã thu lợi bất chính số tiền 14.712.329 đồng.

3. Ngày 24/02/2023, T1 cho anh Đỗ Văn L2, sinh năm: 1991, nơi cư trú: Lạng C, Đông P, K, Hải Phòng vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng 109,5%/năm. T1 đã thu được của anh L3 10.800.000 đồng tiền lãi (tương ứng 240 ngày). Anh L2 còn nợ T1 15.000.000 đồng tiền gốc. T1 đã thu lợi bất chính được số tiền 8.827.397 đồng.

4. Ngày 11/10/2023, T1 cho anh Phạm Quang B1, sinh năm: 1982, nơi cư trú: Lạng C, Đông P, K, Hải Phòng vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng 109,5%/năm. T1 đã thu được của anh B1 900.000 đồng tiền lãi (tương ứng 30 ngày). Anh B1 còn nợ T1 10.000.000 đồng tiền gốc, T1 đã thu lợi bất chính được số tiền 735.616 đồng.

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKSHP-P3 ngày 08/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, việc truy tố, xét xử các bị cáo là không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Phạm Văn T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Phạm Văn T1 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ đều về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị miễn khấu trừ thu nhập. Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 3 Điều 201 BLHS các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền nhưng xét thấy các bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân L, Nguyễn Công T4, Ngô Xuân D, Vũ Hoài L1, Bùi Duy C, Phạm Văn H1, Vũ Văn M, Đỗ Văn L2, Phạm Văn B2 không yêu cầu Phạm Văn T, Phạm Văn T1 trả lại số tiền lãi thu vượt quá theo quy định của pháp luật. Vì vậy, buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước (bị cáo Phạm Văn T nộp số tiền 72.309.542 đồng; bị cáo Phạm Văn T1 số tiền 43.798.082 đồng).

Về xử lý vật chứng: Tịch thu thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Văn T do liên quan đến việc phạm tội.

* Đối với các khoản vay (số tiền gốc là công cụ phạm tội nên phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước):

- Tổng số tiền gốc bị cáo Phạm Văn T cho ông Ngô Xuân L, Nguyễn Công T4, Ngô Xuân D, Vũ Hoài L1, Bùi Duy C là 72.000.000 đồng. Trong đó, Phạm Văn T đã thu được số tiền gốc là 32.000.000 đồng nên buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền này để sung công quỹ Nhà nước. Trong số người vay thì anh Nguyễn Công T4 chưa trả số tiền gốc là 13.000.000 đồng nên buộc anh T4 phải nộp lại số tiền này để sung công quỹ Nhà nước; anh Ngô Xuân D chưa trả số tiền gốc 12.000.000 đồng nên buộc anh D phải nộp lại số tiền này để sung công quỹ Nhà nước; anh Vũ Hoài L1 chưa trả số tiền gốc 20.000.000 đồng nên buộc anh L1 phải nộp lại số tiền này để sung công quỹ Nhà nước.

- Tổng số tiền Phạm Văn T1 cho anh Phạm Văn H1, Vũ Văn M, Đỗ Văn L2, Phạm Quang B1 vay số tiền 73.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền gốc các anh H1, M, L2, B1 chưa trả cho T1. Vì vậy, những người vay phải nộp lại số tiền gốc để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể: Anh Phạm Văn H1 phải nộp lại số tiền 28.000.000 đồng; anh Vũ Văn M nộp lại số tiền 20.000.000 đồng; anh Đỗ Văn L2 phải nộp lại số tiền 15.000.000 đồng; anh Phạm Quang B1 phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng.

* Đối với khoản tiền lãi 20% mà các bị cáo được nhận từ những người vay theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Số tiền này không tính vào khối lượng buộc tội, tuy nhiên do được phát sinh từ hành vi phạm tội và theo hướng dẫn của Nghị

quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Vì vậy buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp lại số tiền 16.160.548 đồng, buộc bị cáo Phạm Văn T1 phải nộp lại số tiền 10.901918 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo mức hình phạt thấp nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh*: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà và tại Cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Từ ngày 15/02/2022 đến ngày 26/9/2022, Phạm Văn T đã cho 05 người vay tổng số tiền là 77.000.000 đồng dưới hình thức cho vay theo ngày với mức lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày tương đương 109,5%/năm, thu lợi bất chính số tiền 72.309.542 đồng. Từ ngày 04/3/2022 đến ngày 11/10/2022, Phạm Văn T1 đã cho 04 người vay tổng số tiền là 73.000.000 đồng dưới hình thức cho vay theo ngày với mức lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày tương đương 109,5%/năm, thu lợi bất chính số tiền 48.798.082 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh, điều khoản và khung hình phạt là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích kiếm lời. Do đó cần phải xử lý các bị cáo hình phạt có tác dụng răn đe, trừng trị đối với các bị cáo, có tác dụng đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[5] *Về vai trò của các bị cáo:* Các bị cáo có vai trò độc lập, không có câu kết chặt chẽ với nhau, chỉ thoả thuận chung tiền thuê của hàng để giảm tải chi phí, T1 và T đều thống nhất khách của ai thì người đó cho vay, không chia lợi nhuận chung, không sử dụng tiền chung của cả hai đẻ cho khách hàng vay. Do đó, vai trò của các bị cáo là như nhau, tuy nhiên căn cứ vào số tiền cho vay, số tiền hưởng lợi để đánh giá vai trò của từng bị cáo.

[6] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt*

[8] Căn cứ tính chất vụ án và mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, đều lần đầu phạm tội, đến thời điểm các bị cáo bị phát hiện thì các bị cáo đã dừng việc cho vay lãi. Xét thấy tính nguy hại cho xã hội của các bị cáo không còn, chỉ cần áp dụng mức cải tạo không giam giữ như Viện kiểm sát nhân dân thành phố đề nghị cũng đủ tác dụng phòng ngừa chung, giáo dục và răn đe đối với các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo có mức độ, các bị cáo đều là lao động tự do, là không có thu nhập ổn định nên không cần thiết bị khấu trừ thu nhập.

[9] *Về hình phạt bổ sung*: Do các bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định, toàn bộ nguồn tiền để cho vay, tiền thu lời bất chính đều đã bị tịch thu nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[10] *Về tiền thu lợi bất chính*: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân L, Nguyễn Công T4, Ngô Xuân D, Vũ Hoài L1, Bùi Duy C, Phạm Văn H1, Vũ Văn M, Đỗ Văn L2, Phạm Văn B2 không yêu cầu bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1 trả lại số tiền lãi thu vượt quá theo quy định của pháp luật. Vì vậy, buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước (bị cáo Phạm Văn T nộp số tiền 72.309.542 đồng; bị cáo Phạm Văn T1 nộp số tiền 43.798.082 đồng).

[11] *Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm*: Căn cứ vào Điều 5 của Nghị quyết 01/2021 ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì cần tịch sung quỹ nhà nước khoản tiền Phạm Văn T cho ông Ngô Xuân L, Nguyễn Công T4, Ngô Xuân D, Vũ Hoài L1, Bùi Duy C là 77.000.000 đồng. Trong đó, Phạm Văn T đã thu được số tiền gốc là 32.000.000 đồng (bao gồm 5.000.000 đồng của anh Ngô Xuân L; 22.000.000 đồng của anh Ngô Xuân D; 5.000.000 đồng của anh

Vũ Hoài L1) nên buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền này để sung ngân sách Nhà nước. Trong số người vay thì anh Nguyễn Công T4 chưa trả số tiền gốc là 13.000.000 đồng, anh Ngô Xuân D chưa trả số tiền gốc 12.000.000 đồng, anh Vũ Hoài L1 chưa trả số tiền gốc 20.000.000 đồng nên buộc anh T4, anh D và anh L1 phải nộp lại số tiền này để sung ngân sách Nhà nước.

[11.1] Tổng số tiền Phạm Văn T1 cho anh Phạm Văn H1, Vũ Văn M, Đỗ Văn L2, Phạm Quang B1 vay số tiền 73.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền gốc các anh H1, M, L2, B1 chưa trả cho T1. Vì vậy, buộc những người vay phải nộp lại số tiền gốc để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Anh Phạm Văn H1 nộp lại số tiền 28.000.000 đồng; anh Vũ Văn M nộp lại số tiền 20.000.000 đồng; anh Đỗ Văn L2 nộp lại số tiền 15.000.000 đồng; anh Phạm Quang B1 phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng.

[11.2] Đối với khoản tiền lãi 20% mà các bị cáo được nhận từ những người vay theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Số tiền này được phát sinh từ hành vi phạm tội và theo hướng dẫn của Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Vì vậy buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp lại số tiền 16.160.548 đồng, buộc bị cáo Phạm Văn T1 phải nộp lại số tiền 10.901.918 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

[11.3] 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax đã qua sử dụng của bị cáo T, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- *Về vấn đề khác*

[12] Đối với Đỗ Quang H2 sinh năm 1997; địa chỉ thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, ngày 16/01/2023 được T1 nhờ trông cửa hàng và đưa tiền, nhận tiền của khách nhưng H2 không được bàn bạc không biết lãi suất, không được hưởng lợi nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[13] *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[14] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự huyện K, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, Hải Phòng giám sát giáo dục, theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn T1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự huyện K, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Phạm Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, Hải Phòng giám sát giáo dục, theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp các bị cáo được hưởng án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án Hình sự.

- Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1.

Buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Bị cáo Phạm Văn T nộp số tiền 120.470.000 đồng (bao gồm tiền số tiền 32.000.000 đồng + 72.39.542 đồng + 16.160.548 đồng = 120.470.090 đồng); bị cáo Phạm Văn T1 số tiền 54.692.000 đồng (bao gồm tiền số tiền 43.789.982 đồng + 10.901.918 đồng = 54.691.900 đồng).

Buộc anh Nguyễn Công T4 nộp lại số tiền là 13.000.000 đồng, anh Ngô Xuân D nộp lại số tiền là 12.000.000 đồng, anh Vũ Hoài L1 nộp lại số tiền 20.000.000 đồng; anh Phạm Văn H1 nộp lại số tiền 28.000.000 đồng; anh Vũ Văn M nộp lại số tiền 20.000.000 đồng; anh Đỗ Văn L2 nộp lại số tiền 15.000.000 đồng; anh Phạm Quang B1 phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

2. *Về vật chứng*:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax màu xanh, số sê-ri: G6TDR63C0D42 (đã qua sử dụng).

Tình trạng, đặc điểm các vật chứng thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. *Về án phí*: Bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường